

Bản án số: 01/2022/DS-ST  
Ngày: 05/01/2022  
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***R phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Sáu**  
2. Ông **Quách Trung Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Thêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 507/2020/TLST–DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST-DS ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: **Hoàng Thị Ngọc X**, sinh năm: 1996. (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 19/11/2020)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* **Anh Cao Hữu D**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số Z, tổ 23, khu S, thị trấn M, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

(Chị X, anh D có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 của nguyên đơn ông Hoàng Văn C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền chị Hoàng Thị Ngọc X trình bày:* Vào năm 2019, ông C có cho Cao Hữu D mượn nhiều lần tiền tổng cộng là 77.000.000 đồng để mua bán dừa và mua xe, chuộc xe cụ thể:

Ngày 15/7/2019 cho mượn số tiền 20.000.000 đồng.

Tháng 12/2019 cho mượn 30.000.000 đồng.

Sau đó cho mượn 7.000.000 đồng.

Tiền chuộc xe 20.000.000 đồng.

Thời hạn trả tiền là 01 năm, nhưng đến nay chưa trả. Nay ông C yêu cầu anh D trả số tiền 77.000.000 đồng. Đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020.

*\* Theo Tờ tự khai đề ngày 07/01/2021, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Hữu D trình bày:* Anh thừa nhận vào tháng 5/2019 có mượn của ông C số tiền là 20.000.000 đồng, các khoản tiền khác anh không có thiếu. Nay anh chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị X là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu anh D trả số tiền 57.000.000 đồng và rút yêu cầu số tiền 20.000.000 đồng còn lại. Anh D vẫn giữ ý kiến như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của ông C là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi lẽ:

Theo lời trình bày của ông C thì ông D có vay của ông C số tiền là 57.000.000đ có làm giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 có chữ ký của ông D vào giấy xác nhận nợ, ông C cũng đã nộp giấy nhận nợ ngày 10/5/2020 để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, ông D không thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 là của ông và lời khai của ông Nguyễn Văn R người viết giấy xác nhận nợ ngày 10/5/2020 cũng xác nhận là ông R viết giấy xác nhận nợ tại nhà ông R, viết theo yêu cầu của Hoàng Thị Ngọc X con gái ông C chứ không chứng kiến việc ông D có ký tên vào giấy xác nhận nợ và không biết tiền gì. Ngoài ra, tại phiên tòa ông D đồng ý cung cấp chữ ký để giám định nhưng ông C cũng không trưng cầu giám định chữ ký của anh D trong giấy xác nhận nợ để chứng minh cho yêu cầu của ông.

Về phía ông D cũng thừa nhận có nợ ông C số tiền 20.000.000đ chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ gì và đồng ý trả cho ông C số tiền trên nên lời thừa nhận nợ của ông D là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông C đã rút yêu cầu đối với số tiền 20.000.000đ là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Cao Hữu D trả cho ông Hoàng Văn C số tiền 20.000.000 đồng. Không chấp nhận đối với số tiền 37.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của ông C đối với số tiền 20.000.000 đồng.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông C kiện tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về đại diện ủy quyền:* Nguyên đơn ông Hoàng Văn C ủy quyền cho chị Hoàng Thị Ngọc X theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 19/11/2020. Xét việc ủy quyền của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên chị X là người đại diện theo ủy quyền cho ông C.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ông C kiện yêu cầu anh D trả số tiền đã mượn. Xét thấy mặc dù nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất. Tuy nhiên, tại Điều 494 của Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng mượn tài sản..., bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn...”. Như vậy, theo quy định tại Điều 494 của Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn.

Tại Điều 463 Hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự quy định “Hợp đồng vay tài sản..., khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi khi có thỏa thuận...”

Tài sản các bên giao dịch trong vụ án này là tiền và theo lời khai các bên khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy, có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo lời ông C khai vào năm 2019 có cho anh Cao Hữu D mượn nhiều lần tiền tổng cộng là 57.000.000 đồng để mua bán dừa và mua xe, chuộc xe. Đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020.

Anh D chỉ thừa nhận có vay của ông C số tiền 20.000.000 đồng để mua bán dừa. Khi vay số tiền này không có làm giấy vay tiền hoặc viết biên nhận khi nhận tiền. Nay anh chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Còn lại số tiền 37.000.000 đồng anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C.

[2.1]. Xét chứng cứ ông C cung cấp là “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020 theo nội dung “Giấy xác nhận nợ” có đoạn ghi “...Ngày 15/7/2019 tôi có mượn của ông Hoàng Văn C...số tiền 20.000.000đ...mua bán dừa... Tháng 12AL mượn thêm 30.000.000đ đi chuộc xe. Sau đó mượn thêm 7.000.000đ tổng cộng là 57.000.000...”

Xét thấy “Giấy xác nhận nợ” này là do ông Nguyễn Văn R viết. Theo biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2021 do Tòa án lập, ông Nguyễn Văn R khai ông viết theo yêu cầu của chị X và ông cũng không biết việc vay mượn tiền của hai bên. Tại thời điểm ông R viết giấy xác nhận nợ này không có mặt ông C và anh D. Đồng thời ông R cũng không có chứng kiến anh D ký tên vào giấy xác nhận nợ đề ngày 10/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo số 75B/2021/TB-TAH ngày 01/3/2021 cho hai bên về việc Trung cầu giám định chữ ký, nhưng hai bên đều không yêu cầu và tại phiên tòa chị X là người đại diện theo ủy quyền của ông C cũng xác định không yêu cầu Trung cầu giám định chữ ký.

Số tiền còn lại 37.000.000 đồng anh D không thừa nhận có vay. Đồng thời anh xác định chữ ký tên ở nơi “Người xác nhận nợ” theo “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020 mà ông C cung cấp không phải do anh ký. Ngoài ra, ông C cũng không có chứng cứ nào khác. Như vậy, chưa có căn cứ để xác định anh D có vay tiền ông C theo “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 10/5/2020, nên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện số tiền 37.000.000 đồng này của ông C.

[2.2]. Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của ông C chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C. Buộc anh D trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh D có yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần của anh D là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và không được người đại diện theo ủy quyền của ông C đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh D.

[2.3]. Về ý kiến phía ông C rút phần yêu cầu khởi kiện số tiền 20.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền 20.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự cụ thể: Anh D phải chịu án phí về phần chấp nhận yêu cầu của ông C. Ông C phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C.**

- Buộc anh anh Cao Hữu D trả cho ông Hoàng Văn C số tiền là 20.000.000 đồng.

- Không chấp nhận phần yêu cầu anh D trả số tiền 37.000.000 đồng còn lại của ông C.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

**2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền 20.000.000 đồng.**

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Anh Cao Hữu D chịu 1.000.000 đồng.

- Ông Hoàng Văn C chịu 1.850.000 đồng phần không được chấp nhận yêu cầu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 1.925.000 đồng theo biên lai thu số 0004537 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông C số tiền 75.000 đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**